

# NGHIÊN CỨU GIÁ TRỊ NHÂN CÁCH TRONG THỜI ĐỔI MỚI (TOÀN CẦU HOÁ)

Phạm Minh Hạc

*Ban Tuyên giáo Trung ương.*

## 1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hoá ngày nay là một đặc điểm nổi bật trong sự phát triển văn minh nhân loại cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI. Trong đó có một nét rất đáng chú ý: văn hoá là một chiều kích không thể thiếu của sự phát triển, như Thập kỷ văn hoá vì phát triển (1987-1997) do UNESCO phát động đã kết luận. Trong những năm, qua đã có hàng loạt hội nghị, hội thảo phát triển tư tưởng đó và khẳng định các nền văn hoá đang gặp nhau và sẽ tiếp tục gặp nhau, chẳng mấy ai tán thưởng nhận định các nền văn hoá sẽ “đụng độ” do Huntington (Mỹ) nêu ra.

Đây là đợt sóng thứ ba toàn cầu hoá bắt đầu từ khoảng năm 1990 với thành tựu vĩ đại của công nghệ thông tin nối mạng, kết nối toàn cầu, mở ra thời kỳ hội nhập quốc tế, phụ thuộc lẫn nhau chưa từng có, về các mặt kinh tế, xã hội, công nghệ, chính trị, văn hoá, môi trường. Nước ta bắt đầu theo **đường lối đổi mới từ năm 1986** (Đại hội Đảng VI): mở cửa, hội nhập, ngoại giao đa phương hoá, đa dạng hoá, gia nhập các tổ chức khu vực, quốc tế, tham gia thị trường toàn cầu...

Ngày nay, đề cập đến toàn cầu hoá, giao lưu văn hoá thường đi đến vấn đề bản sắc văn hoá, và ở cấp độ con người, vấn đề bản sắc văn hoá trở thành vấn đề bản sắc tâm lý.

## 2. Khái niệm công cụ và phương pháp tiếp cận

### 2.1. Văn hoá

Theo Mole (Pháp), có tới 250 định nghĩa văn hoá. Theo Kroeber và Kluckhohn (Mỹ), có 164 định nghĩa văn hoá. Không tham gia vào cuộc tranh luận này, chúng tôi theo định nghĩa cổ điển do E.B.Tylor viết trong “Văn hoá nguyên thủy” (1871): “Văn hoá là tổ hợp các tri thức, niềm tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục và các năng lực, thói quen khác mà con người với tư cách là thành viên của xã hội tiếp thu được”. Định nghĩa này, theo tôi, đã nói

tới các giá trị văn hoá của xã hội chuyển thành vốn giá trị tinh thần - bản sắc tâm lý của từng con người, còn được gọi là giá trị nhân cách.

## **2.2. Bản sắc**

Như vậy là, vấn đề văn hoá, như nhiều tác giả đã nói, thành ra vấn đề bản sắc: những cái riêng, cái khác biệt, đa dạng của các nền văn hoá của các cộng đồng, các tộc người, các quốc gia - dân tộc do các thành viên của nó sáng tạo ra. Mặt khác, có các giá trị văn hoá nhân loại, như tính người, tình người là hai giá trị nền tảng nhất của con người; có các giá trị toàn cầu, như hoà bình, hợp tác... là các giá trị cơ bản của các cộng đồng, cũng như của từng người. Theo kết quả nghiên cứu của KX-07 (1991-1996), các giá trị nhân loại, giá trị toàn cầu đều chiếm tỷ lệ cao, gần như tuyệt đối, trong trả lời của những người tham gia điều tra. Tức là bên cạnh những cái khác nhau có những cái giống nhau, đa dạng và thống nhất, sáng tạo đi cùng với liên văn hoá, tiếp biến văn hoá: ngày nay ta nói, hội nhập văn hoá, các nền văn hoá gặp nhau. Đó là tính biện chứng của sự tồn tại và phát triển (Phạm Minh Hạc. *Tính biện chứng của văn hoá nhân loại và văn hoá dân tộc*. Hội thảo quốc tế về văn hoá, Istanbul - Thổ Nhĩ Kỳ, 7-2004). Các mâu thuẫn và tính biện chứng ấy ở bình diện cá nhân thành bản sắc tâm lý của từng người - các giá trị kể trên (nhân loại, toàn cầu, dân tộc, cộng đồng...) chuyển thành giá trị nhân cách theo biện chứng nào, chứa đựng những mâu thuẫn gì... đó là những vấn đề của tâm lý học giá trị và tâm lý trị liệu.

Như vậy là, bản sắc văn hoá ở bình diện cá nhân chuyển thành “**bản sắc tâm lý**” (Erik Erikson, 1902 - 1994) hình thành nên bộ mặt riêng. Tuy bản chất tâm lý người bao giờ cũng mang tính lịch sử - văn hoá, như thuyết văn hoá - lịch sử của Vurgóttxki đã khẳng định và ngày nay được vận dụng phổ biến trong giới tâm lý học ở tất cả các nước, nhưng ở một con người cụ thể, kinh nghiệm lịch sử - văn hoá chung bao giờ cũng mang tính đặc thù - đó chính là tổng các giá trị nhân cách của người đó. Trong tâm hồn mỗi một chúng ta ai cũng cảm nhận tinh thần Việt, tâm lý Việt được đúc kết bởi lòng nhân nghĩa (Nguyễn Trãi), nhân văn hướng vào con người, tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước (Hồ Chí Minh), tính cộng đồng “Nhà - Làng - Nước” (Nguyễn Văn Huyền), anh hùng, bất khuất, cần cù lao động... ở mỗi người những giá trị dân tộc lại có sắc thái riêng, có cái thống nhất, có cái mâu thuẫn.

## **2.3. Giá trị nhân cách**

Bằng hoạt động của bản thân, người ta tạo ra vốn trải nghiệm; con người tiếp thu các giá trị lịch sử văn hoá, và bằng cơ chế trải nghiệm, mỗi người tạo nên vốn giá trị của bản thân mình (Phạm Minh Hạc. *Bước đầu tìm hiểu hiện tượng học và giá trị học*. Tạp chí Nghiên cứu Con người, số 1, năm 2007). Nói cách khác, giá trị nhân cách là hệ giá trị - định hướng giá trị, thước đo giá trị -

của một con người với tư cách là chủ thể hoạt động; nhân cách là khoảng cách giữa hệ giá trị của cá nhân với hệ giá trị của cộng đồng, xã hội. Đó chính là hệ giá trị nhân cách của một con người khi con người đó tiến hành một hoạt động tạo ra giá trị theo định hướng giá trị và thước đo giá trị nhất định, theo cơ chế trải nghiệm phát biểu đánh giá một giá trị qua một câu phán đoán như thế nào đó về một giá trị (Phạm Minh Hạc. *Tâm lý học nghiên cứu con người trong thời đổi mới*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.250), qua đó tự biết được, cũng như được người khác biết: tôi là ai, tôi là cái gì - tôi là chủ thể của hoạt động, tôi là khách thể của hoạt động - bản thân tôi có giá trị không, nếu có, thì có đến đâu, thái độ của tôi đối với hệ giá trị của cộng đồng, xã hội.

#### **2.4. Phương pháp tiếp cận**

Như đã trình bày, công trình của chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận **hoạt động - nhân cách - giá trị**. Hoạt động là bản thể của nhân cách thông qua cơ chế giá trị, nhất là trong xã hội với nền kinh tế thị trường: mục tiêu của hoạt động là giá trị, một động cơ rất quan trọng là giá trị, chỉ có điều làm sao hài hoà giữa giá trị tinh thần và giá trị vật chất, giữa giá trị cá nhân và giá trị cộng đồng xã hội... Cuộc sống thực là như vậy. Ở đây phương pháp tiếp cận hoạt động - nhân cách - giá trị gặp **“quan niệm về bản thân”** (self-concept) do G.H.Mead (1863-1931) đề ra và luận điểm tự thể hiện, tự khẳng định do A.Maslow (1908-1970) và C.Roger (1902-1987) đề ra.

### **3. Một số kết quả nghiên cứu**

**3.1.** Báo cáo này sử dụng kết quả đo đạc giá trị của KX-07 (1991-1996), Điều tra giá trị thế giới đợt 2001 và đợt 2006 do Viện Nghiên cứu Con người, Viện Khoa học xã hội Việt Nam tiến hành, và KX-05-05 (2001-1005) tiến hành theo phương pháp NEO.PI-R (L.Goldberg, P.Costa, Crea, 1970, 1992; R.L. Piedmont, 1998) có bổ sung 60 câu hỏi riêng về Việt Nam. NEO.PI-R dựa vào 5 yếu tố lớn của nhân cách: nhiều tâm, hướng ngoại, cởi mở, dễ thương và có chí với 30 tiểu thang đo (mỗi yếu tố lớn gồm 6 tiểu thang đo).

Đã tiến hành phỏng vấn ở 6 tỉnh, thành phố thuộc 3 miền, 13 trường PTTH, 14 trường đại học, 900 học sinh, 800 sinh viên, 1000 lao động trẻ tham gia trả lời phỏng vấn.

**3.2.** Qua điều tra và hội thảo của KX-07 sau gần 10 năm đổi mới trong xã hội bộc lộ rõ **những biến đổi trong định hướng giá trị** ở thanh niên, học sinh, sinh viên theo các xu hướng sau đây:

**3.2.1.** Di chuyển từ những giá trị quan trọng về tinh thần nhiều hơn sang những giá trị dựa vào kinh tế nhiều hơn.

**3.2.2.** Từ nhấn mạnh hơn vào các quyền lợi xã hội, cộng đồng, tập thể sang tập trung vào những quyền lợi cá nhân.

3.2.3. Thay đổi trong cách nhìn của người dân từ quan tâm tới những lợi ích lâu dài sang các mục tiêu ngắn hạn.

3.2.4. Thay đổi trong thái độ chờ đợi phân phối sang chủ động tự đáp ứng nhu cầu của đời sống.

3.2.5. Từ chỗ chấp nhận cung cấp bình đẳng (dù là ít) sang chấp nhận phân hoá giàu nghèo, từ trọng nghèo sang trọng giàu.

Trong các xu hướng biến đổi này bộc lộ các xu hướng mâu thuẫn:

- \* Giữa định hướng giá trị vật chất và giá trị tinh thần;
- \* - lợi ích xã hội                      - lợi ích cá nhân;
- \* - lợi ích lâu dài                  - lợi ích trước mắt;
- \* - tâm lý bao cấp                - tâm lý bươn trải;
- \* - tâm lý cào bằng             - tâm lý phân hoá...

Để vượt qua các mâu thuẫn này, ở nhiều người đã phải chịu đựng trạng thái căng thẳng, vươn lên tự thể hiện, tự khẳng định - đây là xu hướng rất tích cực, mọi người tự khai thác tiềm năng, bộc lộ tài năng, nhân tài nẩy nở - động lực quan trọng nhất đối với sự phát triển đất nước. Mặt khác, bên cạnh những thành công của mỗi người có biết bao trắc trở, thậm chí thất bại, nhẹ là gây nên chấn thương, nặng thành bệnh lý, chưa nói đến cảnh xa đọa, tha hoá... đang chờ những liệu pháp tâm lý. Xã hội càng đi vào công nghiệp hoá, xã hội càng hiện đại, càng có nhiều nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tinh thần, tâm lý (mental health - có người gọi là sức khoẻ tâm thần). Ở đây có những vấn đề cần phân tích kỹ. Ví dụ, bên cạnh số liệu 87% coi trọng giá trị “yêu Tổ quốc”, có không ít (32.8%) lại mong muốn có quốc tịch nước ngoài. Có mâu thuẫn gì ở đây không? Hay đây là hiện tượng bình thường trong thời toàn cầu hoá?

**3.3. Kết quả điều tra theo NEO-PI-R** cải biên và bổ sung cho thấy, thanh niên, học sinh, sinh viên ta ít nhiều tâm hơn học sinh, sinh viên Mỹ. Có lẽ, cuộc sống ở ta chủ yếu còn là một nước nông nghiệp, về một phương diện nào đó, không phức tạp lắm, cuộc sống tinh thần tương đối còn thuần nhất, tuy có đến 63% người trả lời câu hỏi cho rằng “cái tốt pha lẫn cái xấu nhiều hơn trước”, cũng đầy mâu thuẫn, như đã trình bày, nhưng chắc không phức tạp bằng xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.

Hơn thế, chúng ta đi lên từ một nước chưa phát triển, lại trải qua chiến tranh liên miên, cách đây không lâu 60% dân ta sống ở mức nghèo, sau mấy kế hoạch đổi mới đất nước, bây giờ còn 20%. Cho nên khi đưa ra bảng câu hỏi gồm 20 giá trị, 4 giá trị được xếp lên đầu là: hoà bình, tự do, sức khoẻ và việc làm; còn “sống có mục đích” - được xếp thứ 11, và 2 giá trị được xếp cuối cùng là: “cuộc sống giàu sang” và “địa vị xã hội”. Chứng tỏ đối với những người

tham gia phỏng vấn, **các giá trị sống còn** - “tồn tại hay không tồn tại” - vẫn còn đang là các giá trị ưu tiên số 1. Nhiều người chỉ cốt sao an phận làm ăn, bảo đảm cuộc sống cho mình và gia đình, có khá giả một chút thì tập trung lo cho con cái. Thành thử, ở họ ít nhiều tâm, hướng suy nghĩ tương đối không bị phân kỳ. Tâm lý đó cũng có ảnh hưởng hạn chế khả năng hướng ngoại và tính cởi mở: so với các em tham gia thực nghiệm ở Mỹ, các em ở ta đạt điểm thấp hơn.

Kết quả nghiên cứu cũng xếp loại nhân cách những người tham gia thực nghiệm như sau:

- Nhóm một. Giá trị nhân cách hoàn thiện cao: 5%;
- Nhóm hai. Giá trị nhân cách đạt 5/5 chuẩn: 30%;
- Nhóm ba. Giá trị nhân cách đạt 1/5 chuẩn: 60%
- Nhóm bốn. Giá trị nhân cách kém: 5%.

Các thực nghiệm ở đây đo đạc các chỉ số giá trị trung bình của nhân cách - giá trị đại diện của nhóm (N). Bảng phân loại này phần nào phản ánh bức tranh đạo đức xã hội rất phức tạp của chúng ta, trong đó có các vấn đề giáo dục đạo đức rất đáng lo.

#### **4. Giáo dục giá trị**

Trong thời chuyển đổi đang diễn ra với tốc độ chưa từng có, trong bối cảnh toàn cầu hoá đầy cảnh trái nghịch, ở ta với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tạo lập kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng xã hội, chúng ta rất cần xác lập **HỆ GIÁ TRỊ VIỆT NAM**. Theo đó, tiến hành giáo dục trong nhà trường, trong toàn xã hội, tạo ra sự đồng thuận trong định hướng giá trị, thước đo giá trị. Có thước đo giá trị tương đối thống nhất của xã hội, mới đánh giá đúng con người, đặc biệt có chính sách tuyển dụng, đề bạt người vào các vị trí đúng với năng lực và đáp ứng yêu cầu của công việc, mang lại hiệu quả, đi theo là chính sách tiền lương và tôn vinh lao động nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, làm sao **mỗi người làm và hưởng đúng với giá trị do mình làm ra cho xã hội**.